TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2025/DS-ST
Ngày: 26-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng;

2. Bà Ngô Hồng Điệp;

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Bảo Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 642/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Ngọc L; sinh năm 1971;
Địa chỉ: Ấp A, xã L, tỉnh Tây Ninh.
Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Nguyễn Thanh P, sinh năm 1971;
Địa chỉ: Ấp A, xã L, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)
- *Bị đơn:* Ông Trần Duy T, sinh năm: 1976;
Địa chỉ: Ấp A, xã L, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh P như sau:

Vào ngày 04/4/2022, ông L có cho ông Trần Duy T vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất là 3%/tháng. Việc vay tiền có lập giấy vay tiền, ông T có ký tên và ghi họ tên vào giấy vay tiền. Ông T có đưa cho ông L giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 476070 do ông T đứng tên để làm tin.

Khi tới hạn đóng tiền lãi, ông L có tìm gặp ông T để lấy tiền lãi nhưng ông T đã bỏ nhà đi mất, ông T chưa đóng lãi cho ông L tháng nào. Khi hết thời hạn vay tiền, ông T cũng không trả tiền cho ông L. Sau một thời gian chờ đợi không thấy ông T trả tiền, ông L tìm hiểu thì biết được ông T đã bỏ địa phương đi hơn một năm.

Nay, ông L khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền vốn vay là 40.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/4/2022 đến ngày 20/10/2025 là 42 tháng với mức lãi suất là 1,6%/tháng thành tiền là 26.880.000 đồng. Ông L yêu cầu ông T tiếp tục trả lãi cho với mức lãi suất là 1,6%/tháng cho đến ông T trả xong nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ và các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Duy T nhưng ông T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông L và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân, Thư ký phiên tòa theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc L đối với bị đơn ông Trần Duy T.

Buộc ông Trần Duy T có trách nhiệm trả cho ông Trần Ngọc L Buộc ông Trần Duy T có trách nhiệm trả cho ông Trần Ngọc L số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 26.880.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 1,6%/tháng cho đến khi thi hành án xong.

Về chi phí tố tụng và án phí : Đương sự phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Nguyên đơn ông Trần Ngọc L khởi kiện về việc hợp đồng vay tài sản đối với ông Trần Duy T, ông T có nơi cư trú tại ấp A, xã L, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông L khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán số vốn vay là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 26.880.000 đồng.

[2.1] Xét thấy, căn cứ vào giấy tiền lập vào ngày 04/4/2022, ông T có vay của ông L số tiền là 40.000.000 đồng, thời hạn vay tiền là 06 tháng, lãi suất là 3%/tháng, có làm giấy vay tiền. Giấy vay tiền này do ông L viết, ông T ký tên và ghi họ tên. Trong quá trình vay tiền, ông T không trả lãi cho ông L, khi hết thời hạn vay tiền ông T cũng không trả tiền vốn vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông T nhưng ông T không đến Tòa án giải quyết vụ án, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông T đã từ bỏ quyền lợi của mình trong vụ này.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định ông T còn nợ tiền vốn vay của ông L 40.000.000 đồng.

[2.2] Về tiền lãi:

Theo giấy vay tiền ngày 04/4/2022 ông L và ông T thỏa thuận lãi suất vay là 3%/ tháng, trong quá trình giải quyết vụ án, ông L xác định ông T không trả cho ông L kỳ lãi nào, ông T không có ý kiến phản hồi về tiền lãi.

Ông L yêu cầu ông T có trách nhiệm trả lãi vay với mức lãi suất là 1,6%/tháng, với thời hạn tính từ ngày 04/4/2022 đến ngày 25/10/2025 là 42 tháng, thành tiền là 26.880.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, nên được chấp nhận.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa ông L và ông T là hợp đồng vay có lãi và có kì hạn, nên ông T phải có trách nhiệm tiếp tục trả lãi cho đến khi trả hết nợ.

Từ nội dung được phân tích tại mục [2.1] và mục [2.2] Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L đối với ông T, ông T có trách nhiệm trả cho ông L tiền vốn vay là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 26.880.000 đồng.

[3] Quá trình vay tiền, ông T có đưa cho ông L giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 476070 do Ủy ban nhân dân C cấp cho ông Trần Duy T đứng tên vào ngày 26/3/2003 để đảm bảo khoản vay, nhưng do ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông T không có yêu cầu trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trong trường hợp có tranh chấp thì ông T được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát Khu vực 6 – Tây Ninh, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: 5.539.500 đồng, ông L chịu và đã nộp xong.

[6] Về án phí: Ông T phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận. H lại tiền tạm ứng án phí cho ông L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 180; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc L đối với bị đơn ông Trần Duy T.

Buộc ông Trần Duy T có trách nhiệm trả cho ông Trần Ngọc L số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 26.880.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 1,6%/tháng cho đến khi thi hành án xong.

2. Về chi phí tố tụng : 5.539.500 đồng, ông Trần Ngọc L chịu và đã nộp xong.

3. Về án phí: Ông Trần Duy T phải chịu án phí là 3.344.000 đồng. Hoàn lại cho ông Trần Ngọc L 1.672.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011272 ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 6 – Tây Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Võ Thu Xuân